BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75 /2020/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với Dân quân tự vệ

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với Dân quân tự vệ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với Dân quân tự vệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các chức vụ chỉ huy và chiến sĩ Dân quân tự vệ, trừ trường hợp Dân quân tự vệ đang đào tạo tại các cơ sở đào tạo của Quân đội, Dân quân tự vệ trong thời gian phối thuộc chiến đấu, phục vụ chiến đấu cho các đơn vị quân đội, các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ do sĩ quan quân đội đảm nhiệm.

2. Cơ quan, đơn vị Quân đội và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người chỉ huy trực tiếp của đơn vị Dân quân tự vệ, cơ quan quân sự địa phương các cấp, ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

2. Đúng quy trình, kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thẩm quyền.

3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật; nếu cùng một lần vi phạm kỷ luật mà người vi phạm thực hiện nhiều hành vi vi phạm khác nhau thì phải xem xét, kết luận, làm rõ mức độ vi phạm và hình thức kỷ luật với từng hành vi vi phạm nhưng chỉ áp dụng hình thức kỷ luật chung cho các hành vi vi phạm và

không vượt quá hình thức kỷ luật của hành vi có mức xử lý kỷ luật cao nhất. Trường hợp xử lý nhiều hình thức kỷ luật do cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Bảo đảm tính giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng Dân quân tự vệ.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

1. Tình tiết giảm nhẹ

a) Người vi phạm kỷ luật đã có hành vi ngăn chặn hoặc làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm kỷ luật đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm, xử lý vi phạm kỷ luật;

c) Vi phạm kỷ luật do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.

2. Tình tiết tăng nặng

a) Vi phạm kỷ luật nhiều lần khi thực hiện nhiệm vụ;

b) Ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất hoặc tinh thần;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm kỷ luật;

d) Tiếp tục vi phạm kỷ luật mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đó;

đ) Sau khi vi phạm kỷ luật có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm kỷ luật.

Điều 5. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật và miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật

a) Trong thời gian nghỉ việc được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Trong thời gian điều trị có xác nhận của quân y hoặc cơ sở y tế;

c) Đang trong thời gian chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Những trường hợp miễn trách nhiệm kỷ luật

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm;

b) Phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và do điều kiện bất khả kháng;

c) Chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy cấp trên hoặc phân công nhiệm vụ của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Khiếu nại quyết định xử lý kỷ luật

1. Trường hợp người vi phạm kỷ luật không đồng ý với quyết định xử lý kỷ luật thì có quyền khiếu nại đến cấp có thẩm quyền kỷ luật theo quy định của Thông tư này; khi chưa được giải quyết, người vi phạm kỷ luật phải chấp hành nghiêm quyết định hiện hành.

2. Khi nhận được khiếu nại của người vi phạm kỷ luật, cấp có thẩm quyền có

trách nhiệm xem xét trả lời đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại

Người vi phạm kỷ luật phải bồi thường thiệt hại đã gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hình thức kỷ luật

Hình thức kỷ luật Dân quân tự vệ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Dân quân tự vệ; cụ thể như sau:

1. Đối với chiến sĩ Dân quân tự vệ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

2. Đối với các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Giáng chức;

d) Cách chức;

đ) Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM VÀ ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 9. Vi phạm chức trách, nhiệm vụ của các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ

1. Người chỉ huy trực tiếp đơn vị Dân quân tự vệ, ban chỉ huy quân sự cấp xã, ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức do thiếu trách nhiệm trong quản lý, chỉ huy mà để Dân quân tự vệ thuộc quyền vi phạm pháp luật Nhà nước đến mức bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Người chỉ huy trực tiếp biết hoặc phát hiện dấu hiệu Dân quân tự vệ thuộc quyền có hành vi vi phạm nhưng không có biện pháp ngăn chặn kịp thời hoặc bao che cho hành vi vi phạm của cấp dưới gây hậu quả nghiêm trọng trở lên, thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức.

Điều 10. Vi phạm quyền hạn của các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ

1. Người giữ chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm sai nguyên tắc, quy định hoặc ra mệnh lệnh vượt quá quyền hạn, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức:

a) Sử dụng trang bị, phương tiện của Dân quân tự vệ để thực hiện hành vi vi phạm;

b) Đã được can ngăn, nhắc nhở nhưng vẫn cố tình vi phạm;

c) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm.

Điều 11. Chống mệnh lệnh

1. Không chấp hành mệnh lệnh hoặc không thực hiện nhiệm vụ khi người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp có thẩm quyền giao mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc giáng chức.

2. Chống mệnh lệnh một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Giữ chức vụ chỉ huy;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu;

d) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm.

Điều 12. Chấp hành không nghiêm mệnh lệnh

1. Chấp hành không đầy đủ, chậm trễ thời gian mệnh lệnh của người chỉ huy, ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Chấp hành không nghiêm mệnh lệnh một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức, cách chức:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu.

Điều 13. Cản trở Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ

1. Gây khó khăn hoặc xúi giục, cản trở Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Cản trở Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ một trong các trường hợp sau, thì bị kỷ luật giáng chức, cách chức:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 14. Làm nhục, hành hung người chỉ huy hoặc cấp trên

1. Dùng lời nói, hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, uy tín, thân thể người chỉ huy hoặc cấp trên, thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến giáng chức.

2. Làm nhục, hành hung người chỉ huy hoặc cấp trên thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Giữ chức vụ chỉ huy;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 15. Làm nhục hoặc dùng nhục hình đối với cấp dưới

1. Dùng lời nói hoặc có hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, thân thể của cấp dưới, thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo hoặc giáng chức.

2. Làm nhục hoặc dùng nhục hình đối với cấp dưới thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 16. Làm nhục, hành hung đồng đội

1. Dùng lời nói hoặc có hành động xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, thân thể của nhau, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Làm nhục, hành hung một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức, cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

d) Gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 17. Vắng mặt trái phép

1. Dân quân tự vệ (trừ dân quân thường trực) vắng mặt trái phép trong thời gian làm nhiệm vụ từ 08 (tám) giờ trở lên thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Dân quân thường trực vắng mặt trái phép ở đơn vị từ 08 (tám) giờ đến dưới 48 (bốn tám) giờ thì bị kỷ luật khiển trách; vắng mặt từ 48 (bốn tám) giờ đến 72 (bảy hai) giờ thì bị kỷ luật cảnh cáo.

3. Vắng mặt trái phép một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức, cách chức, tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 18. Trốn tránh nhiệm vụ

1. Gây thương tích, gây tổn hại đến sức khỏe của mình, giả bị bệnh hoặc dùng các hình thức gian dối khác để trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ được giao thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc giáng chức.

2. Trốn tránh nhiệm vụ thuộc một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật cách chức:

a) Giữ chức vụ chỉ huy;

b) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

c) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 19. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất tài liệu bí mật quân sự

1. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất tài liệu bí mật quân sự nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc giáng chức.

2. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất tài liệu bí mật quân sự thuộc một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Đã được nhắc nhở, chấn chỉnh nhưng thực hiện không nghiêm;

b) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

c) Làm cho đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 20. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo

1. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo nhằm lừa dối cấp trên, bao che, trốn tránh trách nhiệm, đổ lỗi cho người khác, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo thuộc một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Gây ảnh hưởng đến việc không hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị hoặc ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự người khác;

c) Thực hiện nhiệm vụ quan trọng.

Điều 21. Vi phạm các quy định về trực chiến, trực chỉ huy, trực ban

1. Tự ý bỏ vị trí hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Đã bị bị xử lý kỷ luật mà còn tái phạm, thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức.

Điều 22. Vi phạm các quy định về bảo vệ

1. Chấp hành không nghiêm các quy định về tuần tra, canh gác, áp tải, hộ tống, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Vi phạm trong trường hợp bảo vệ mục tiêu quan trọng, thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức.

Điều 23. Vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn

1. Vi phạm các quy định phòng chống cháy nổ; bảo đảm an toàn trong huấn luyện, công tác, lao động, học tập, sinh hoạt và an toàn giao thông, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Thiếu trách nhiệm trong việc ngăn chặn hậu quả;

c) Để xảy ra mất an toàn về người, vũ khí, trang bị, phương tiện, tài sản.

Điều 24. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện kỹ thuật quân sự

1. Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện kỹ thuật quân sự sai quy định để xảy ra mất an toàn thì bị kỷ luật cảnh cáo hoặc giáng chức.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Giữ chức vụ chỉ huy hoặc có chuyên môn kỹ thuật về vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, công cụ hỗ trợ;

b) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm.

Điều 25. Vô ý làm mất hoặc làm hư hỏng vũ khí vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện kỹ thuật quân sự

1. Vô ý làm mất hoặc làm hư hỏng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện kỹ thuật quân sự thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến giáng chức.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau, thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Giữ chức vụ chỉ huy;

b) Trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu;

c) Không có biện pháp tích cực ngăn chặn.

Điều 26. Quấy nhiễu nhân dân

1. Có hành vi đòi hỏi, yêu sách, gây phiền hà, khó khăn, cản trở sinh hoạt bình thường của nhân dân hoặc xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của nhân dân nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thì bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo hoặc giáng chức.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật cách chức hoặc tước danh hiệu quân Dân quân tự vệ:

a) Giữ chức vụ chỉ huy;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Dân quân tự vệ.

Điều 27. Chiếm đoạt tài sản

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc dùng các thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân có giá trị dưới 2.000.000 (hai triệu) đồng, thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến giáng chức.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau, thì bị kỷ luật cách chức đến tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

a) Lôi kéo người khác tham gia;

b) Làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 28. Vi phạm trật tự công cộng

1. Vi phạm pháp luật về trật tự công cộng gây hậu quả chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 29. Uống rượu, bia trong giờ làm việc và say rượu, bia

1. Uống rượu, bia trong giờ làm việc hoặc khi đang thực hiện nhiệm vụ hoặc say rượu, bia làm ảnh hưởng đến uy tín Dân quân tự vệ và kết quả công tác thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức:

a) Đã bị xử lý kỷ luật chưa được công nhận tiến bộ mà tiếp tục vi phạm;

b) Lôi kéo người khác tham gia;

c) Say rượu, bia khi đang thực hiện nhiệm vụ;

d) Say rượu, bia làm mất trật tự công cộng, mất đoàn kết với nhân dân gây hậu quả chưa đến mức nghiêm trọng.

Điều 30. Hành vi vi phạm khác

Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị tước danh hiệu Dân quân tự vệ:

1. Cố ý làm hỏng vũ khí vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện kỹ thuật quân sự nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Bị khởi tố bị can.

3. Bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

4. Sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

6. Bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THỜI HIỆU, THỜI HẠN VÀ THẨM QUYỀN XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 31. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật

1. Người vi phạm phải tự kiểm điểm bằng văn bản trước tập thể cơ quan, đơn vị và tự nhận hình thức kỷ luật. Trường hợp người vi phạm vắng mặt, không tự kiểm điểm thì cơ quan, đơn vị tiến hành xác minh tại gia đình, địa phương nơi người vi phạm cư trú và lập biên bản về sự vắng mặt của người vi phạm. Biên bản xác minh được công bố trước cơ quan, đơn vị và có giá trị như bản tự kiểm điểm của người vi phạm.

2. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người vi phạm họp kiểm điểm hành vi vi phạm và đề xuất hình thức kỷ luật. Trường hợp người vi phạm vắng mặt thì căn cứ vào biên bản xác minh, hồ sơ vi phạm, hành vi vi phạm kỷ luật của người vi phạm, cơ quan, đơn vị tổ chức cuộc họp kiểm điểm và đề xuất hình thức kỷ luật.

3. Người chỉ huy trực tiếp hoặc ủy quyền xác minh và gặp người vi phạm để người vi phạm trình bày ý kiến. Trường hợp người vi phạm vắng mặt thì người chỉ huy căn cứ vào biên bản xác minh, hồ sơ vi phạm để kết luận hành vi vi phạm, hình thức kỷ luật.

4. Kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật.

5. Báo cáo cấp ủy đảng có thẩm quyền xem xét, thông qua (nếu có).

6. Ra quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật theo quyền hạn phân cấp.

7. Công bố quyết định kỷ luật, báo cáo cấp trên và lưu trữ hồ sơ ở đơn vị, cơ quan, tổ chức.

Điều 32. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp người vi phạm thuộc quyền có hành vi chống mệnh lệnh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, thì người chỉ huy phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền.

2. Trường hợp người vi phạm không chấp hành kiểm điểm xét kỷ luật thì người chỉ huy căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, đề nghị của cấp dưới và các tổ chức quần chúng để triệu tập họp chỉ huy, cấp ủy xem xét, quyết định hình thức kỷ luật theo quyền hạn.

3. Trường hợp bị kỷ luật tước danh hiệu Dân quân tự vệ thì chỉ huy đơn vị quản lý người bị xử lý cử người, phương tiện đưa người và hồ sơ có liên quan bàn giao cho ban chỉ huy quân sự cấp xã, ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi người vi phạm cư trú (trừ trường hợp bị tòa án tuyên án phạt tù).

4. Trường hợp thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ mà vi phạm kỷ luật trong thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ thì địa phương, cơ quan, đơn vị đã quản lý Dân quân tự vệ tiến hành xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 33. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là khoảng thời gian từ thời điểm vi phạm kỷ luật đến khi bị phát hiện vi phạm đó; hết thời hạn này thì không xem xét xử lý kỷ luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

a) Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng. Nếu trong thời hiệu xử lý kỷ luật, người vi phạm có hành vi vi phạm mới thì thời hiệu xử lý kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm mới;

b) Không áp dụng thời hiệu đối với hành vi: Vi phạm đến mức phải kỷ luật tước danh hiệu Dân quân tự vệ; vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ; vi phạm xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp và Dân quân tự vệ là đảng viên bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền.

Thời hạn xử lý kỷ luật là 03 tháng. Trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian kiểm tra, xác minh làm rõ thì thời hạn xử lý kỷ luật được kéo dài nhưng không quá 05 tháng.

3. Trường hợp Dân quân tự vệ vi phạm kỷ luật liên quan đến vụ việc, vụ án đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử thì tạm dừng việc xem xét xử lý kỷ luật. Khi có kết luận cuối cùng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền hoặc bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật thì xem xét xử lý kỷ luật theo quy định. Thời hạn xem xét xử lý kỷ luật áp dụng theo khoản 2 Điều này.

4. Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải chịu trách nhiệm về việc xử lý kỷ luật đối với người vi phạm trong thời hạn quy định.

Điều 34. Thời hạn công nhận tiến bộ

1. Sau 12 tháng đối với hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo; sau 24 tháng đối với hình thức kỷ luật giáng chức, cách chức kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực mà người vi phạm không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được công nhận tiến bộ.

2. Trong 12 tháng đối với hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo; trong 24 tháng đối với hình thức kỷ luật giáng chức, cách chức kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực mà người vi phạm lại bị xử lý kỷ luật thì thời hạn công nhận tiến bộ được tính từ ngày quyết định kỷ luật mới có hiệu lực.

Điều 35. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

1. Tiểu đội trưởng, thuyền trưởng, khẩu đội trưởng khiển trách chiến sĩ.

2. Trung đội trưởng, thôn đội trưởng khiển trách đến tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng; cảnh cáo đến chiến sĩ.

3. Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã, chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, đại đội trưởng, hải đội trưởng Dân quân tự vệ:

a) Khiển trách đến trung đội trưởng, thôn đội trưởng;

b) Cảnh cáo đến tiểu đội trưởng, thuyền trưởng, khẩu đội trưởng;

4. Tiểu đoàn trưởng, hải đoàn trưởng Dân quân tự vệ:

a) Khiển trách đến đại đội trưởng, hải đội trưởng, chính trị viên đại đội, chính trị viên hải đội;

b) Cảnh cáo đến trung đội trưởng.

5. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức: Kỷ luật đến tước danh hiệu Dân quân tự vệ theo đề nghị của chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã, ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức hoặc thôn đội trưởng nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.

6. Chỉ huy trưởng, chính trị viên ban chỉ huy quân sự cấp huyện:

a) Khiển trách đến đại đội trưởng, chính trị viên đại đội dân quân cơ động thuộc huyện;

b) Cảnh cáo đến trung đội trưởng, thôn đội trưởng;

c) Giáng chức, cách chức đến tiểu đội trưởng, thuyền trưởng, khẩu đội trưởng.

7. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện kỷ luật giáng chức, cách chức đối với các chức vụ chỉ huy ban chỉ huy quân sự cấp xã theo đề nghị của chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

8. Tư lệnh, Chính ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh:

a) Cảnh cáo đến tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn, chỉ huy trưởng, chính trị viên ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức;

b) Giáng chức, cách chức đối với các chức vụ chỉ huy ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, ban chỉ huy đại đội, hải đội Dân quân tự vệ.

9. Tư lệnh, chính ủy quân khu, Quân chủng Hải quân, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Giáng chức, cách chức đối với các chức vụ chỉ huy tiểu đoàn, hải đoàn Dân quân tự vệ thuộc quyền.

Các chức vụ ban chỉ huy đại đội, hải đội, hải đoàn, tiểu đoàn Dân quân tự vệ vi phạm kỷ luật bị cách chức; căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nếu đến mức phải tước danh hiệu Dân quân tự vệ thì thực hiện theo khoản 5 Điều này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2020 và thay thế Thông tư số 89/2010/TT-BQP ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thời hạn, trình tự và thẩm

quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ, chiến sĩ và tổ chức Dân quân tự vệ.

2. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Phan Văn Giang